UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /GCN-SXD	*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 21/4/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn Việt Delta; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 09/5/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn Việt Delta**.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101924745 đăng ký lần đầu ngày 20/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 5 năm 2024, do Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Ô 34 Lô BT2, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại/Fax: 024.36830844 Email: vietdelta2006@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Việt Delta.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 11 ngách 11 ngõ 1295 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.091**.

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 74/GCN-SXD(GĐCL) ngày 09/08/2024 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nộ./.

Nơi nhận:
- Công ty CP tư vấn Việt Delta;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Lưu: VT, GĐCL(H.N.Duy-05b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.091

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật *
I	**CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT**	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
7	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
8	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
9	Các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023
10	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
11	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
12	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
13	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
14	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
15	Đầm nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
16	Góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
17	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
II	**VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DĂM, SỎI, CẤP PHỐI**	
18	Thành phần hạt	TB 10102-2023
19	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
20	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023
21	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
22	Độ ẩm	TB 10115-2023
23	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023
24	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
25	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10102-2023
26	Độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
III	**PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC**	
27	Xác định độ pH, nhiệt độ	TB 10104-2003
28	Xác định hàm lượng Cl^-, SO_4^{2-}, HCO_3^-, CO_3^{2-}, Ca^{2+}, Mg^{2+}	TB 10104-2003
29	Xác định hàm lượng CO2 tự do, CO2 ăn mòn, O2 tiêu hao, O2 hoà tan	TB 10104-2003
30	Xác định tổng độ cứng, độ cứng tạm thời, tổng lượng muối	TB 10104-2003
31	Xác định độ axit	TB 10104-2003

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.